



xiū zhèng àn
修正案

noun · amendment

Example Sentences

Guó huì tōng guò le zhè xiàng fǎ lǜ xiū zhèng àn
国会通过了这项法律修正案。

Congress passed this legal amendment.

Xiū zhèng àn de nèi róng hái xū yào jìn yī bù tāo lùn
修正案的内容还需要进一步讨论。

The content of the amendment still needs further discussion.

Trace each character, then write the word on your own.

修	修	修	修	修	修	修	修	修	修	修
修										
正	正	正	正	正	正	正	正			
案	案	案	案	案	案	案	案	案	案	案
案	案									